

**TOÀ ÁN NHÂN D
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2022/DSST
Ngày 19/8/2022

*V/v tranh chấp hui, họ,
biều, phường.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN YÊN PHONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị M Huệ.

Hội thẩm nhân D: Ông Nguyễn Thế Long, ông Tạ Xuân Xế.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quân, Thư ký Tòa án nhân D huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Yên Phong: Ông Dương M Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hui, họ, biều, phường thụ lý số: 68/2022/TLST-DS, ngày 04/7/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50A/2022/QĐXXST-DS, ngày 28/7/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963 (có mặt).

Trú tại: Thôn Xuân Cai, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (có mặt).

Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (có mặt).

Đều trú tại: Thôn Thân Thượng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và vợ chồng chị M, anh D có quan hệ họ hàng và là người cùng xã.

Khoảng tháng 10/2018 âm lịch, vợ chồng chị M rủ bà chơi phường (tức chơi họ, hui) do chị M là chủ họ, là người tổ chức, quản lý họ.

Bắt đầu từ ngày 21/10/2018 âm lịch, bà có chơi 03 bát (tức 03 suất) phường trị giá 9.000.000đ/tháng (tức mỗi suất phường là 3.000.000đồng/tháng). Tổng có khoảng 45 người chơi (trong đó có bà). Chị M là người lập sổ họ (sổ cái) để theo dõi và cũng là người giữ sổ cái. Chị M không cung cấp sổ họ cũng như tên người chơi cho bà biết.

Bà chơi họ húc, không có lãi. Hàng tháng ai húc họ thấp hơn thì người đó được lấy trước.

Hàng tháng, bà đóng tiền họ (tiền chơi phường) cho chị M, mỗi lần đóng tiền chị M đều viết và ký vào sổ con do bà giữ sổ.

Bà đã đóng cho vợ chồng chị M 03 suất phường/tháng, mỗi suất phường trị giá 3.000.000đồng/tháng, tổng mỗi tháng đóng tiền phường là 9.000.000đồng. Bà đóng được 25 tháng, đóng vào các tháng âm lịch, từ ngày 21/10/2018 (âm lịch) đến ngày 21/11/2020 (âm lịch). Riêng tháng 3/2020 âm lịch thì bà không đóng tiền chơi phường cho vợ chồng chị M vì do dịch COVID 19 bùng phát mạnh, cụ thể như sau:

Năm 2018: Bà đóng tiền phường từ ngày 21/10/2018 (âm lịch) đến ngày 21/12/2018 (âm lịch) là: 3 tháng x 9.000.000đ = 27.000.000đồng.

Năm 2019: Bà đóng tiền phường từ ngày 21/01/2019 (âm lịch) đến ngày 21/12/2019 (âm lịch) là: 12 tháng x 9.000.000đ = 108.000.000đồng.

Năm 2020: Bà đóng tiền phường từ ngày 21/01/2020 (âm lịch) đến ngày 21/11/2020 (âm lịch) là: 10 tháng x 9.000.000đ = 90.000.000đồng.

Tổng cộng bà đóng tiền phường cho chị M và anh D được 25 tháng x 9.000.000đồng/tháng = 225.000.000đồng.

Ngày 25/01/2021 (âm lịch) vợ chồng chị M tuyên bố dừng phường và báo “nở” (tức không chơi hội, họ nữa), còn nhiều người chưa được lấy phường nên chị M yêu cầu gấp phiếu. Bà gấp phiếu và đã được lấy tiền phường 01 lần với số tiền là 25.000.000đồng. Từ đó đến nay, chị M và anh D không trả bà số tiền nào và nói là không có tiền nên không trả. Đến nay, chị M và anh D vẫn không trả tiền chơi phường 200.000.000đồng cho bà.

Bà cho rằng số tiền mọi người đóng phường cho vợ chồng chị M, vợ chồng chị M đã mua vài miếng đất, xây nhà, mua xe ô tô mà không trả tiền cho bà.

Đến nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D phải trả cho bà số tiền phường đã đóng còn lại là 200.000.000đồng. Bà không yêu cầu chị M, anh D trả tiền lãi.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị thừa nhận vợ chồng chị và gia đình bà P có quan hệ họ hàng xa và là người cùng làng. Khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị em phụ nữ trong thôn và xã cùng nhau tự nguyện tham gia chơi phường (tức chơi họ, hội), trong đó có bà P. Chị em chơi phường có bầu chị là người đi thu và trả tiền phường (bầu bằng miệng).

Khi chơi phường (chơi hội, họ) không có lãi, chơi phường húc. Ai húc thấp (gấp phiếu thấp) thì được lấy trước, những người chơi đóng như đã húc. Người chưa được lấy thì phải nộp tiền cho người được lấy. Chị là người nhận tiền phường của người đóng phường và trả tiền cho người được nhận phường. Việc chơi họ trên, hai bên hoàn toàn tự nguyện. Số tiền chị nhận đóng phường của bà P cũng như của những người chơi khác thì chị lại trả tiền cho người chơi họ đến lượt được lấy họ khi người đó gấp phiếu được lấy trước (tức trúng họ).

Khi đóng phường, chị viết vào tờ giấy để theo dõi hàng tháng đối với từng người đóng phường, người chơi cũng có sổ theo dõi riêng. Hàng tháng đến lượt ai lấy thì chị nhận tiền và ký vào sổ của người chơi, chị cũng ghi vào giấy tờ theo dõi của chị. Hàng

tháng bà P đóng tiền họ cho chị, mỗi lần bà P đóng tiền họ thì chị đều viết nội dung đóng tiền phường vào sổ của bà P và chị có ký nhận vào sổ đó của bà P nhưng có một lần là chữ viết và chữ ký của anh D chồng chị viết trong sổ của bà P vào ngày 21/6/2020 âm lịch. Sổ này bà P giữ quản lý để theo dõi hàng tháng số tiền đóng họ.

Bà P có chơi 03 bát (tức 03 suất) phường trị giá 9.000.000đ/tháng (tức mỗi suất phường là 3.000.000đồng/tháng). Tổng có khoảng 30 người chơi. Bà P đóng họ tức chơi phường với chị được đủ 25 tháng, từ ngày 21/10/2018 (âm lịch) đến ngày 21/11/2020 (âm lịch), vào ngày 21 hàng tháng. Bà P đóng phường cho chị vào các tháng âm lịch, bà P đã đóng được 25 tháng là đúng.

Tuy nhiên trong 25 tháng thì bát phường ngày 21 này, bà P chỉ đóng mỗi suất phường là 45.000.000đồng (số tiền đóng bát phường cụ thể của từng tháng thì chị không nhớ), tổng số 03 suất phường đóng cho chị là 135.000.000đồng. Từ khi chơi phường đến nay, chị đã trả cho bà P số tiền lấy bát phường là 25.000.000 đồng, lấy 01 lần có chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1967 cùng thôn chứng kiến vì số tiền đóng họ của chị P, sinh năm 1967 với tôi chuyển sang số tiền lấy họ cho bà P, sinh năm 1963.

Vì lý do nhiều người nợ tiền vợ chồng chị không trả cũng không đóng họ nên hết tháng 11/2020 âm lịch chị đã dừng phường, không chơi phường nữa.

Nay bà P yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho bà P số tiền chơi phường đã đóng là 200.000.000đồng thì chị không đồng ý. Chị chỉ đồng ý trả số tiền bà P đã đóng phường là 110.000.000đồng. Việc trả tiền họ này thì chỉ bản thân chị có trách nhiệm trả cho bà P còn chồng chị là anh Nguyễn Văn D không biết và không liên quan gì.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị M đang chung sống bình thường, làm ăn chung nhưng việc chơi hội, họ, bươu, phường giữa vợ anh và bà P thế nào anh không nắm được, chị M không thông qua anh. Việc chơi phường giữa các bên là tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Chị M với bà P, chơi bao nhiêu bát họ, số tiền bao nhiêu, bao nhiêu người chơi, ngày tháng năm nào, quy định chơi và việc thanh toán thế nào anh cũng không nắm được. Bản thân anh có nhận 01 lần tiền của bà P là 9.000.000 đồng vào ngày 21/6/2020 âm lịch, bà P không nói với anh đó là tiền gì, chỉ bảo là cầm tiền đó đưa cho chị M, vì hôm đó chị M không có nhà. Sau đó chị M về thì anh có đưa số tiền đó cho chị M. Khi đưa tiền, bà P có yêu cầu anh viết và ký nhận số tiền 9.000.000đồng thì anh có viết và ký vì anh là người nhận tiền của bà P. Ngoài ra, anh không cầm bất kỳ khoản tiền nào khác của bà P. Những lần mọi người đến đóng tiền cho vợ anh thì có lần anh có mặt ở nhà nhưng anh ở phòng khác còn vợ anh và mọi người đóng tiền thì ở quán bán hàng của gia đình tại nhà anh. Số tiền vợ anh thu tiền phường của bà P, vợ anh sử dụng vào mục đích gì anh không biết. Việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do cả gia đình anh cùng đóng góp.

Sau khi phường bị vỡ, vợ anh có nói chuyện thì anh mới biết việc vợ anh đứng ra làm chủ phường, khi đó anh có thể chấp tài sản là nhà đất của gia đình anh để vay Ngân hàng và vay ngoài khoảng 1,5 tỷ đồng để trả cho những người chơi phường.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng anh phải trả số tiền đóng phường 200.000.000đồng thì anh không đồng ý. Trường hợp vợ anh có nợ tiền phường của bà P thì vợ anh phải có trách nhiệm trả cho bà P còn anh không liên quan gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân D huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng D sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng D sự.

Áp dụng điều 471 Bộ luật D sự năm 2015.

Áp dụng điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

- Buộc chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 200.000.000đồng.

- Về án phí: Chị M, anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn D phải trả số tiền phưởng đã đóng là 200.000.000đ. Đây là vụ án tranh chấp hội, họ, biên, phưởng và Tòa án nhân D huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, điều 26; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, tại những giấy đóng phưởng đã thể hiện bà P đóng 03 suất phưởng trị giá 9.000.000đ cho chị M từ ngày 21/10/2018 đến ngày 21/11/2020 tổng là 25 tháng x 9.000.000đ = 225.000.000đ.

Các bên đương sự cùng xác nhận chơi phưởng húc, không có lãi, bởi vậy cần xác định chơi phưởng không có lãi.

Bà P đã đóng cho chị M được 25 tháng x 9.000.000đ = 225.000.000đ, bà P đã nhận được số tiền trúng phưởng là 25.000.000đ. Tuy nhiên, tháng 11/2020 âm lịch chị M tuyên bố dừng phưởng và không trả tiền cho bà P nên bà P đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chị M và anh D phải trả số tiền 200.000.000đ.

Phía chị M trình bày bà P chỉ đóng được 135.000.000đ, chị đã trả cho bà P số tiền lấy bát phưởng là 25.000.000 đồng nên chị chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 110.000.000đ, nhưng chị không đưa ra được căn cứ chứng M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D cho rằng anh chỉ nhận tiền của bà P 01 lần, anh không biết số tiền đó là tiền gì, bà P bảo anh viết như thế nào thì anh viết thế và anh có viết có ký nhận, chữ ký nhận tiền ở sổ của bà P là của anh. Tại phiên tòa hôm nay, anh trình bày: Khi nhận tiền của bà P thì anh có viết "...Bà P đóng 3 suất...", anh chỉ biết đó là đóng tiền phưởng, 03 suất đó là 03 suất phưởng còn cụ thể chơi phưởng nào, thời điểm nào, mỗi phưởng bao nhiêu tiền thì anh không biết nhưng anh

chỉ nhận hộ tiền vợ anh khi vợ anh không có nhà, khi vợ anh về anh lại đưa tiền cho vợ anh nên anh không có trách nhiệm trả nợ cho bà P.

Xét thấy, tại sổ đóng phường do bà P cung cấp mặc dù trong sổ nhận tiền chủ yếu là chị M viết và ký, có một tháng anh D viết và ký nhận tiền. Khi nhận tiền thì anh D có viết "...Bà P đóng 3 suất...", anh D thừa nhận anh có biết đó là đóng tiền phường, 03 suất đó là 03 suất phường. Hơn nữa, việc chơi phường là của một nhóm có nhiều người chơi và diễn ra trong nhiều năm, việc chơi phường nhằm mục đích tương trợ trong nhân D, cũng là để phát triển kinh tế gia đình, việc anh D trình bày vợ anh chơi phường như thế nào anh không biết, anh không liên quan là không có căn cứ chấp nhận, cần buộc anh D cũng phải có trách nhiệm cùng chị M trả tiền phường cho bà P theo quy định tại điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ chấp nhận, cần buộc vợ chồng chị M và anh D phải có trách nhiệm trả cho bà P số tiền phường là 200.000.000đồng.

Bà P không yêu cầu vợ chồng chị M và anh D phải trả lãi, do vậy không xem xét.

Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 471 Bộ luật D sự năm 2015.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147 của Bộ luật tố tụng D sự.

Căn cứ điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

2. Buộc chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền phường là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật D sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án D sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn D phải chịu 10.000.000đ tiền án phí D sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 5.625.000đ tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai số 0004379, ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Yên Phong).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND h. Yên Phong.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị M Huệ

